

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BUÔN ĐÔN
(Kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Bảng số 1: Giá đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên

ĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Xã Krông Na	24.000	17.000	
2	Xã Ea Huar	24.000	17.000	
3	Xã Ea Wer	24.000	17.000	
4	Xã Tân Hòa	31.000		
5	Xã Cuôr Knia	31.000	28.000	21.000
6	Xã Ea Bar	35.000	28.000	24.000
7	Xã Ea Nuôl	35.000	28.000	

* Đối với đất trồng lúa nước 01 vụ, giá đất được tính bằng 70% đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên theo từng vị trí của từng xã.

1. Xã Krông Na

- Vị trí 1: Buôn Ea Mar
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

2. Xã Ea Huar

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Wer

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 7, thôn 8, buôn Tul A, buôn Tul B
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

4. Xã Tân Hòa: Tính 01 vị trí trong toàn xã

5. Xã Cuôr Knia

- Vị trí 1: Cánh đồng 10/3, Sinh Đá, cánh đồng 17 ha, cánh đồng Chu Lai
- Vị trí 2: Cánh đồng Đông Bắc, cánh đồng Suối Nước Trong
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

6. Xã Ea Bar

- Vị trí 1: Cánh đồng Hoài Nhơn, 15-3, Cơ Khí, Ô Tô, Dầu, Rừng Tre
- Vị trí 2: Cánh đồng 19/3, Đồi Cao
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

7. Xã Ea Nuôl

- Vị trí 1: Cánh đồng Chu Lai 1, Chu Lai 2, Cư Pơr
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

Bảng số 2: Giá đất trồng cây hàng năm khác

ĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Xã Krông Na	23.000		
2	Xã Ea Huar	25.000	20.000	
3	Xã Ea Wer	28.000	23.000	
4	Xã Tân Hòa	36.000	30.000	
5	Xã Cuôr Knia	36.000	30.000	
6	Xã Ea Bar	40.000	31.000	27.000
7	Xã Ea Nuôl	45.000	35.000	30.000

1. Xã Krông Na: Tính 01 vị trí trong toàn xã

2. Xã Ea Huar

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8, buôn Jang Pông
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Wer

- Vị trí 1: Thôn Ea Duất, thôn Ea Kly, thôn Hà Bắc
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

4. Xã Tân Hòa

- Vị trí 1: Thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11, thôn 14, thôn 15
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5. Xã Cuôr Knia

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

6. Xã Ea Bar

- Vị trí 1: Thôn 5, thôn 8, thôn 18b, thôn 15
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại
- Vị trí 3: 4 Buôn Knia và thôn 6, thôn 7, thôn 9

7. Xã Ea Nuôl

- Vị trí 1: Thôn Hòa Nam 1, Thôn Đại Đồng, Thôn Hòa Phú, Thôn Hòa An, Buôn Ea M'Dhar 3
- Vị trí 2: Thôn Hòa Nam 2, buôn Niêng 3, buôn Niêng 2, buôn Niêng 1, Thôn Tân thanh, Thôn Tân Phú
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

Bảng số 3: Giá đất trồng cây lâu năm

ĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Xã Krông Na	26.000		
2	Xã Ea Huar	30.000	25.000	
3	Xã Ea Wer	38.000	33.000	
4	Xã Tân Hòa	45.000	36.000	
5	Xã Cuôr Knia	42.000	35.000	
6	Xã Ea Bar	50.000	45.000	35.000
7	Xã Ea Nuôl	60.000	45.000	35.000

1. Xã Krông Na: Tính 01 vị trí trong toàn xã

2. Xã Ea Huar

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Wer

- Vị trí 1: Thôn Ea Duất, thôn Ea Kly, thôn Hà Bắc
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

4. Xã Tân Hòa

- Vị trí 1: Thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11, thôn 14, thôn 15, thôn 16
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5. Xã Cuôr Knia

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

6. Xã Ea Bar

- Vị trí 1: Thôn 5, thôn 8, thôn 18b, thôn 15
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại
- Vị trí 3: 4 Buôn knia và thôn 6, thôn 7, thôn 9

7. Xã Ea Nuôl

- Vị trí 1: Thôn Hòa Nam 1, thôn Đại Đồng, thôn Hòa Phú, thôn Hòa An, Ea M'Dhar 3
- Vị trí 2: Hòa Nam 2, buôn Niêng 3, buôn niêng 2, buôn Niêng 1, Tân thanh, Tân Phú
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

Bảng số 4: Giá đất rừng sản xuất

ĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá
1	Xã Krông Na	15.000
2	Xã Ea Huar	15.000
3	Xã Ea Wer	15.000
4	Xã Tân Hòa	18.000
5	Xã Ea Nuôl	20.000

Bảng số 5: Giá đất nuôi trồng thủy sản

ĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá
1	Xã Krông Na	15.000
2	Xã Ea Huar	20.000
3	Xã Ea Wer	20.000
4	Xã Tân Hòa	22.000
5	Xã Cuôr Knia	22.000
6	Xã Ea Bar	22.000
7	Xã Ea Nuôl	25.000

Bảng số 6: Giá đất ở tại nông thôn

ĐVT: Đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
I	Khu trung tâm huyện (Quy hoạch 26m)			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	Ngã tư Viện kiểm sát	3.000.000
		Ngã tư Viện kiểm sát	Ngã tư Đài truyền thanh	4.000.000
		Ngã tư Đài truyền thanh	Chi nhánh điện Buôn Đôn - Ea súp	3.000.000
		Chi nhánh điện Buôn Đôn - Ea súp	Ngã tư Toà Án	1.800.000
2	Đường số 6	Ngã tư đài truyền thanh	Hết trường cấp 3 Buôn Đôn	1.200.000
		Hết trường cấp 3 Buôn Đôn	Giáp vành đai phía Đông	950.000
		Ngã tư đài truyền thanh	Ngã 3 trường Hồ Tùng Mậu	1.200.000
		Ngã 3 trường Hồ Tùng Mậu	Ngã 3 đường vận hành 1 thủy điện 4	950.000
	Đường ngang			
3	Đường số 2 (Cạnh trụ sở công an huyện)	Tỉnh lộ 17	Giáp đường số 4 (phía Đông)	800.000
		Tỉnh lộ 17	Hết ranh giới đất Công an huyện	600.000
4	Đường số 3	Đoạn từ ngã tư bưu điện	Giáp đường số 21	1.500.000
		Giáp đường số 21	Giáp đường số 4	1.000.000
		Đoạn từ ngã tư đường số 3-4	Đoạn từ ngã tư đường số 3-39	500.000
		Đoạn từ ngã tư bưu điện	Hết lô A6 (ngã ba đường số 3 và đường số 14)	1.500.000
		Hết lô A6 (ngã ba đường số 3 và đường số 14)	Ngã tư đường số 3 và đường số 12	1.000.000
		Ngã tư đường số 3 và đường số 12	Giáp vành đai phía Tây	800.000
5	Đường số 4	Tỉnh lộ 17	Đường số 21	1.200.000
		Đường số 21	Hết vành đai phía Đông	800.000
		Tỉnh lộ 17	Hết lô A7(ngã 4 đường 13 và đường số 4)	1.200.000
		Hết lô A7 (ngã 4 đường 13 và đường số 4)	Hết vành đai phía Tây	750.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
6	Đường số 5	Tỉnh lộ 17 (trụ sở viễn thông)	Giáp vành đai phía Tây	600.000
		Tỉnh lộ 17 (thư viện)	Giáp đường số 44	800.000
		Giáp đường số 44	Giáp vành đai phía Đông (đường số 8)	750.000
7	Đường số 7	Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Đông (đường số 8)	700.000
		Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Tây	700.000
8	Đường số 10 (Cạnh trụ sở công an huyện)	Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Tây (đường số 9)	600.000
9	Đường số 15	Hết thửa đất giao nhau đường số 14	Hết thửa đất giao nhau đường số 11	600.000
10	Đường số 16	Hết thửa đất giao nhau đường số 14	Hết thửa đất giao nhau đường số 12	600.000
11	Đường số 17 (dọc chợ trung tâm huyện)	Từ tỉnh lộ 17	Hết lô A7	1.500.000
		Hết lô A7	Hết lô A10	750.000
12	Đường số 18	Hết thửa đất giao nhau đường số 13	Hết thửa đất giao nhau đường số 19	600.000
13	Đường số 24	Tỉnh lộ 17	Nghĩa trang liệt sỹ	700.000
14	Đường số 25	Hết thửa đất giao nhau đường số 20	Hết thửa đất giao nhau đường số 4	500.000
15	Đường số 26	Hết thửa đất giao nhau đường số 20	Hết thửa đất giao nhau đường số 4	500.000
16	Đường số 28	Hết thửa đất giao nhau đường số 27	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	500.000
17	Đường số 29	Hết thửa đất giao nhau đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 45	500.000
18	Đường số 34	Hết thửa đất giao nhau đường số 30	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	550.000
19	Đường số 35 (Mặt sau B3)	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	Hết thửa đất giao nhau đường số 33	700.000
20	Đường số 36 (Đường đầu giá lô B3)	Hết thửa đất giao nhau đường số 30	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	700.000
21	Đường số 37	Hết thửa đất giao nhau đường số 32	Vành đai phía Tây (đường số 9)	650.000
22	Đường số 42	Hết thửa đất giao nhau đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 45	500.000
23	Đường số 43	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	Hết thửa đất giao nhau đường số 38	700.000
	Đường dọc			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
24	Đường số 11	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 16	600.000
25	Đường số 12	Hết thửa đất giao nhau đường số 16	Hết thửa đất giao nhau đường số 18	600.000
26	Đường số 13 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 17	Hết thửa đất giao nhau đường số 18	1.200.000
27	Đường số 14 mặt sau lô A5; A6 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 3	1.200.000
28	Đường số 19	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	550.000
29	Đường số 20 (mặt sau A12, A1, A4) (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	1.200.000
30	Đường số 21	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 26	500.000
31	Đường số 22	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	500.000
32	Đường số 23	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	500.000
33	Đường số 27	Ngã ba phòng Giáo dục	Đường vành đai phía Đông (đường số 8)	600.000
34	Đường số 30 (Cạnh bệnh viện đa khoa huyện)	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 34	500.000
35	Đường số 31	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường số 36	550.000
36	Đường số 32	Hết thửa đất giao nhau đường số 6	Đường vành đai phía Tây (đường số 9)	600.000
37	Đường số 33 mặt sau lô A2 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 6	Hết thửa đất giao nhau đường số 9	700.000
38	Đường 38 mặt sau lô A3, A8 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	700.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
39	Đường 39	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường vành đai phía Đông (đường số 8 - hướng ra PCCC)	700.000
		Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường vành đai phía Đông (đường số 8- hướng ra đường số 45)	600.000
40	Đường số 40	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Đường vành đai phía Đông (đường số 8)	550.000
41	Đường số 41	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 43	500.000
42	Đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 39	Hết đường quy hoạch (giáp đường số 43)	600.000
43	Đường số 45	Hết thửa đất giao nhau đường số 27	Hết thửa đất giao nhau đường số 43	600.000
44	Đường số 46	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 41	550.000
45	Đường vành đai phía Đông	Quán Vân Cương	Giáp đường số 6 (phía Đông)	500.000
		Giáp đường số 6	Giáp đường số 23	500.000
46	Đường vành đai phía Tây	Tòa án	Bệnh viện	550.000
		Bệnh viện	Giáp đường số 4	500.000
		Giáp đường số 4	Giáp đường số 2	500.000
		Giáp đường số 2	Ngã tư TL17-đường số 24	550.000
47	Đường trục trong lô K2-7 (giáp trụ sở Công an huyện)			600.000
48	Đường trục trong lô K2-6 (lô A9)			600.000
49	Đường trục trong lô K5-4 (lô B3)			650.000
50	Đường trục trong lô K5-6 (giáp với bệnh viện đa khoa huyện)			650.000
51	Các đường ngang	Đường giữa lô A10		500.000
52	Các đường ngang	Các trục đường còn lại Lô A11		500.000
53	Các khu vực có trục đường >=3,5m			250.000
54	Khu vực còn lại			200.000
II	Xã Krông Na			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh xã Ea Huar	Ngã tư xưởng chế biến gỗ VinaFor	450.000
		Ngã tư xưởng chế biến gỗ VinaFor	Hết ranh giới đất cây xăng Nam Tây Nguyên	600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới đất cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba đường vào buôn Trí	700.000
		Ngã ba đường vào buôn Trí	Hồ Ea Rông	400.000
		Hồ Ea rông	Ngã tư Bản Đôn	350.000
		Ngã tư Bản Đôn	Cầu Ea Mar	300.000
		Cầu Ea Mar	Đập Đăk Minh	300.000
		Đập Đăk Minh	Giáp ranh huyện Ea Súp	250.000
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba Khăm Thung	350.000
		Ngã ba Khăm Thung	Cầu buôn Trí	400.000
		Cầu buôn Trí	Ngã tư Bản Đôn	300.000
		Ngã ba Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba nhà văn hóa cộng đồng Buôn Trí B	300.000
		Ngã ba nhà văn hóa cộng đồng Buôn Trí B	Đến hết rẫy hộ Chăn Tha Vy	300.000
		Ngã tư nhà ông Y Nham	Hết ranh giới nhà H'Lot	300.000
		Ngã tư Bản Đôn	Buôn Ea Mar (đường 135)	250.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hạt kiểm lâm Vườn Quốc Gia Yok Đôn	220.000
		Ngã ba Hạt kiểm lâm Vườn Quốc Gia Yok Đôn	Cầu tràn	250.000
		Ngã ba nhà ông Ninh	Hết ranh giới khu dân cư	220.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Khu du lịch hồ Đăk Minh	250.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Trạm 6 Vườn quốc gia	170.000
		Đầu trạm Buôn Drang Phók	Nghĩa địa Đrăng Phók	170.000
		Khu vực buôn Ea Rông B		300.000
3	Đường giao thông	Tỉnh lộ 1	Văn phòng Tân Phương cũ	250.000
		Văn phòng Tân Phương cũ	Cầu thủy điện Srêpôk 4A	200.000
4	Đường sau chợ Trung tâm	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Đi thác phật	250.000
5	Đường giao thông	Buôn Jang Lành	Đi thác Phật (sau xưởng Vinafor)	200.000
		Ngã ba nhà Y Zét	Hết rẫy nhà Ma Dao	200.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
6	Các khu vực còn lại			100.000
III	Xã Ea Huar			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Cầu 33	Cầu 34	550.000
		Cầu 34	Cầu 35	450.000
		Cầu 35	Giáp ranh xã Krông Na	350.000
2	Đường nối Tỉnh lộ 17 (cũ)	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hết ngã ba nhà ông Giỏi	300.000
		Hết ngã ba nhà ông Giỏi	đi xã Ea Mroh - Cư M'gar	250.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Thác 7 nhánh (qua Buôn Rêch A)	250.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Thác 7 nhánh	300.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	hết đường buôn mới 134	200.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba cầu 34 (đường vòng sau UBND xã)	250.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ) - Vườn quốc gia Yok Đôn	Hết ranh giới nhà máy điện mặt trời Jang Pông	200.000
3	Các khu vực có trục đường $\geq 3,5m$			150.000
4	Khu vực còn lại			100.000
IV	Xã Ea Wer			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã tư Toà Án	Hết Dốc 50 (nhà ông Nguyễn Ngọc Thu)	1.000.000
		Hết Dốc 50 (nhà ông Nguyễn Ngọc Thu)	Đầu thôn 4	500.000
		Đầu thôn 4	Cống thủy lợi (thôn 7)	650.000
		Cống Thủy Lợi (thôn 7)	Cầu Ea Tul	450.000
		Cầu Ea Tul	Cầu 33	420.000
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Đầu thôn 8	200.000
		Đầu thôn 8	Đập dâng Nà Xô	150.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - nhà ông Mộc)	Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 4	200.000
		Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 4	Hết thôn 9	150.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - buôn Tul B)	Vào thôn 9	150.000
		Đường Tỉnh lộ 17 (1 cũ - ngã ba Nà Wel)	Hết ranh giới rẫy Y Nút Knul	150.000
		Hết ranh giới rẫy Y Nút	Giáp sông Sêrêpôk	150.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Knul		
		Sau trạm y tế xã	Cầu Ea Tul (đường lô 2)	200.000
		Đầu buôn Tul B	Hết đường 135 (đường lô 2)	200.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - thôn 6)	Buôn Ea Pri	150.000
		Ngã 3 đường vận hành 1 thủy điện 4	Ngã 3 đi hội trường thôn Ea Duất	550.000
		Ngã 3 đi hội trường thôn Ea Duất	Giáp sông Srêpôk	400.000
3	Đường vận hành Thủy điện 4	Ngã ba đường vận hành	Giáp đường vành đai Phía Tây (đường số 9)	400.000
4	Khu trung tâm huyện	Ngã tư nhà ông Tươi	Ranh giới xã Ea Wer (Khu đồi cây)	400.000
5	Các đường buôn Tul A			150.000
6	Các đường buôn Tul B			150.000
7	Các khu vực có trục đường $\geq 3,5m$			150.000
8	Khu vực còn lại			120.000
V	Xã Tân Hòa			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Nuol (suối cạn)	Ngã ba đường vào chùa Pháp Vân	500.000
		Ngã ba đường vào chùa Pháp Vân	Hết thôn 9	1.000.000
		Hết thôn 9	Hết thôn 10	1.350.000
		Hết thôn 10	Hết ranh giới thôn 12	1.000.000
		Hết ranh giới thôn 12	Cây xăng Nam Tây Nguyên	1.200.000
		Cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	1.250.000
2	Đường tỉnh lộ 19A (Tỉnh lộ 5 cũ)	Ngã ba Tân Tiến	Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	1.100.000
		Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	Hết ranh giới thôn 6	850.000
		Hết ranh giới thôn 6	Hết Trường tiểu học Lê Lợi	1.000.000
		Hết Trường tiểu học Lê Lợi	Giáp ranh xã Cuôr Knia	900.000
3	Đường ngang	Tỉnh lộ 17 (1 cũ - Ngã ba nhà bà Lợi)	Hết ranh giới chợ	500.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - Ngã ba Bru điện VH xã)	Vào lô F	500.000
		Ngã ba TL17 (đường vào sinh 3/2)	Suối bà Chí	500.000
		Ngã ba ba Tân	Đường nhựa giáp	900.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
			thủy điện Srêpôk 3	
4	Đường dọc lô E và D trung tâm xã			500.000
5	Khu dân cư còn lại của thôn 14			300.000
6	Giáp ranh thôn Ea Duốt xã Ea Wer			400.000
7	Đường lô 2	Ngã ba tỉnh lộ 19	hết thôn 9	500.000
8	Đường liên thôn	Ngã ba hội trường thôn 7	Ngã ba hội trường thôn 4	900.000
9	Các khu vực có trục đường $\geq 3,5m$			230.000
10	Khu vực còn lại			150.000
VI	Xã Cuôr Knia			
1	Tỉnh lộ 5	Giáp ranh giới xã Tân Hòa	Ngã ba thôn 3	900.000
		Ngã ba thôn 3	Ngã ba ông Hạnh	1.000.000
		Ngã ba ông Hạnh	Giáp ranh giới xã Ea Bar	800.000
	Đường liên xã	Ngã ba thôn 3	Đập cây sung	300.000
		Đập cây sung	Giáp ranh giới xã Ea M' nang (huyện Cư M'gar)	250.000
		Ngã ba thôn 12	Thôn 10 xã Ea Bar	230.000
		Ngã ba thôn 6	Giáp ranh giới thôn 17 xã Ea Bar	300.000
		Ngã ba thôn Ea Kning	Giáp đường đi Ea Bar	230.000
2	Khu vực thôn 4			240.000
3	Các khu vực có trục đường $\geq 3,5m$			180.000
4	Khu vực còn lại			120.000
VII	Xã Ea Bar			
1	Tỉnh lộ 19A (5 cũ)	Giáp ranh giới xã Cuôr Knia	Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	1.000.000
		Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	Ngã tư chợ cũ	1.600.000
		Ngã tư chợ cũ	Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	3.600.000
		Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	Hết trường mầm non Hoa Lan	2.000.000
		Ngã tư trường mầm non Hoa Lan	Ngã tư nhà ông Hồ Xuân Đường	1.200.000
		Ngã tư nhà ông Hồ Xuân Đường	Ngã ba giống cây Minh Phát	850.000
		Ngã ba giống cây Minh Phát	Ngã ba Đài tưởng niệm	800.000
		Ngã ba Đài tưởng niệm	Giáp ranh thành phố Buôn Ma Thuột	1.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
2	Đường liên xã	Ngã tư chợ cũ	Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiên	3.000.000
		Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiên	Ngã ba nhà ông Trần Văn Liên	400.000
		Ngã ba nhà bà Trần Văn Liên	Hết ranh giới đất nhà ông Lê Quý Hiền	650.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Lê Quý Hiền	Giáp ranh xã Ea M'ngang - Cư M'gar	550.000
		Ngã tư nhà bà Thái Thị Dư (Cây xăng Trâm Oanh)	Ngã tư thôn 12	300.000
3	Hai trục ngang bên hông chợ Ea Bar			2.800.000
4	Đường ngang sau chợ	Ngã ba nhà ông Trần Văn Nhiên	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn La (đường lô 2)	2.000.000
5	Đường xung quanh khu đấu giá lô F (tiệm vàng kim hải cũ)	Ngã tư chợ cũ	Ngã ba nhà ông Tiến (mặt sau lô F)	1.600.000
		Từ ngã ba giáp đường đi Ea M'ngang (gần nông sản Thanh Bình)	Hết mặt sau lô F	600.000
		Từ ngã ba đường liên thôn 16, 16A, 17, 17A	Hết mặt sau lô F	600.000
6	Đường liên thôn 16, 16A, 17, 17A	Ngã ba nhà ông Tiến	Giáp đường sang xã Cuôr Knia	700.000
7	Đường liên thôn 15, 18, 18A, 18B	Ngã tư cửa hàng Hòa Lan	Giáp đường vào nghĩa địa 15/3	700.000
8	Đường khu vực thôn 5, 6, 8, 9			300.000
9	Các khu vực có trục đường $\geq 3,5m$			280.000
10	Khu vực còn lại			160.000
VIII	Xã Ea Nuôl			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh giới với thành phố Buôn Ma Thuột	Hết cầu buôn Niêng	2.000.000
		Hết cầu buôn Niêng	Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	1.500.000
		Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	Đến cầu Ea M'dthar	1.000.000
		Đến cầu Ea M'dthar	Ngã 3 đường vào nhà máy thủy điện Srêpôk 3	1.100.000
		Ngã 3 đường vào nhà máy thủy điện Srêpôk 3	Giáp ranh xã Tân Hòa	700.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 1	Khu K68	1.200.000
		Ngã ba cây xăng (Khuong Minh Yên)	Ngã ba ba Tân	700.000
		Ngã ba ba Tân	Đường nhựa giáp thủy điện Srêpôk 3	600.000
		Ngã ba Hoà An (TL1)	Giáp ranh xã Hoà Xuân	700.000
		Ngã ba UBND xã	Hết khu dân cư (ranh giới thôn Hòa Phú)	400.000
		Ngã ba nhà ông Nhân (Buôn Niêng III)	Thôn 8 xã Cư Ebur	450.000
		Đầu buôn Mđhar 1A	Hết ranh giới thôn Mđhar 3	400.000
		Đầu buôn Mđhar 1A	Hết ranh giới thôn Hoà Thanh	400.000
		Đầu buôn Niêng 3	Hết ranh giới khu du lịch Troh Bư	450.000
		Hết ranh giới khu du lịch Troh Bư	Hết ranh giới buôn Mới (132)	300.000
		Đầu buôn Niêng 2	Hết mỏ đá Minh Sáng	400.000
3	Đường vào Thủy Điện Dray H' Ling cũ	Ngã ba giáp ranh giới Phường Thành Nhất (BMT)	Suối Ea Piết (giáp ranh giới thôn Hòa Nam I - Hoa An)	350.000
4	Đường trục chính thôn Đại Đồng	Ngã ba nhà ông Khôi	Đi sinh Cư Bơ	350.000
5	Ngã ba đường vào cụm công nghiệp	Ngã ba nhà ông Năm Tiểu (cuối buôn Kô Đung B)	Hết khu dân cư (cụm công nghiệp Ea Nuôl)	350.000
6	Các khu vực có trục đường $\geq 3,5m$			200.000
7	Khu vực còn lại			160.000